TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 50/2018/HNGĐ-ST Ngày 19-11-2018 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Bích Diệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Phương

Bà Tạ Thị Hải Linh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thiệm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 261/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị T; nơi ĐKHKTT: Số 316 T, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số 7/41, đường H, phường N, quận H, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn T; nơi ĐKHKTT: Số 316 T, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số 318 T, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 9 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Trần Thị T trình bày:

Chị và anh Trần Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường T, quận H, thành phố Hải Phòng vào năm 2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh T tại phường T, quận H, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Mâu thuẫn của chị và anh T đã được hai bên gia đình khuyên nhủ, hòa giải nhưng không có kết quả. Vì vậy, tháng 3 năm 2018, chị đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở phường N, quận H, thành phố Hải Phòng sinh sống; từ đó vợ chồng ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, gia đình không có khả năng đoàn tụ, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Trần Văn T được ly hôn.

Chị và anh Trần Văn T có một con chung là Trần Khánh N, sinh ngày 18 tháng 4 năm 2016. Vì cháu N là con gái, hiện còn nhỏ và đang sống cùng chị. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giao cháu Trần Khánh N cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị và anh T sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giữa chị và anh Trần Văn T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Trần Văn T trình bày:

Anh cũng thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, giữa anh và chị T không xảy ra mâu thuẫn gì lớn nhưng việc anh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác là có thật. Do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên cách đây khoảng 6-7 tháng, chị Tâm đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống; từ đó vợ chồng ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị T có đơn xin ly hôn, quan điểm của anh là đồng ý ly hôn với chị T.

Anh và chị T có một con chung là Trần Khánh N, sinh ngày 18 tháng 4 năm 2016, hiện đang sống cùng chị T. Nếu vợ chồng ly hôn, anh đồng ý giao cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh và chị T sẽ tự thỏa thuận vấn đề cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giữa anh và chị T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Biên bản xác minh ngày 08 tháng 10 năm 2018 tại Tổ dân phố nơi chị Trần Thị T và Trần Văn T cư trú:

Anh Trần Văn T và chị Trần Thị T kết hôn cách đây khoảng 3-4 năm. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng gia đình anh T tại phường T, quận H, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì

lớn làm ảnh hưởng đến hàng xóm, láng giềng. Hiện tại, chị T đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình và địa phương khuyên nhủ, hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị T có đơn xin ly hôn, quan điểm của địa phương là để anh chị tự quyết định.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chị Trần Thị T và anh Trần Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường T, quận H, thành phố Hải Phòng là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên khoảng đầu năm 2018, chị T đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại phường N, quận H, thành phố Hải Phòng sinh sống, từ đó vợ chồng ly thân, không còn quan tâm đến nhau, thể hiện hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T, xử cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Trần Văn T. Chị T và anh T có một con chung là Trần Khánh N, hiện mới được 31 tháng tuổi, chị T có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con; vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Chị Trần Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm khởi kiện, bị đơn là anh Trần Văn T đang cư trú tại số 318 T, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn là anh Trần Văn T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Văn T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Trần Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường T, quận H, thành phố

Hải Phòng vào ngày 29 tháng 4 năm 2016 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị T về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 3 năm 2018, từ đó vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình; vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị Trần Thị T xin được ly hôn với anh Trần Văn T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về nuôi con chung: Con chung của chị Trần Thị T và anh Trần Văn T là Trần Khánh N, sinh ngày 18 tháng 4 năm 2016, hiện mới được 31 tháng tuổi và đang sống cùng chị T. Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, chị T hiện đang làm công nhân tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn N với mức thu nhập trung bình khoảng 6.000.000 đồng/1 tháng, thời gian làm việc trong giờ hành chính, có đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì vậy, yêu cầu của chị Trần Thị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Khánh N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[5] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về chia tài sản: Chị Trần Thị T và anh Trần Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 19, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Trần Văn T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Trần Khánh N, sinh ngày 18 tháng 4 năm 2016 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Chị Trần Thị T và anh Trần Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chị Trần Thị T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) - tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0016636 ngày 05 tháng 10 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Chị Trần Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường T, quận H, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Bích Diệp

.